

# SỬ DỤNG LUẬN CỨ

## I – BÀI TẬP

1. Lựa chọn và phân tích luận cứ cho luận điểm của anh (chị) về truyện ngụ ngôn *Người mù sờ voi* trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai, trang 38.
2. Tìm luận cứ để bàn về mối quan hệ giữa "cho" và "nhận" ở đời.
3. Phân tích các chi tiết của một bài thơ để làm luận cứ bình luận bài thơ ấy

(Bài thơ do học sinh chọn trong các bài đã học).

4. Tìm chi tiết trong bài *Một người Hà Nội* để chứng minh "chất Hà Nội" của nhân vật chính.

5. Câu hỏi 2, sách giáo khoa, trang 88.

## II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Lựa chọn luận cứ và phân tích luận cứ cho luận điểm của anh (chị) về truyện *Người mù sờ voi*. Ví dụ, chọn luận điểm : Đây là một ngụ ngôn mang tính triết lí nói về tính hạn chế của nhận thức con người. Chân lí thì có một, nhưng nhận thức thì mỗi người một khác.

Đối với luận điểm trên cần chọn những luận cứ nào ?

– Nhiều người mù (không phải thầy bói !).

– Do nhận thức khác nhau, những người mù cãi vã nhau.

– Lời cảm khái của nhà vua như một lời tổng kết. Chú ý lời cảm khái của nhà vua :

+ Người mù tượng trưng cho khả năng nhận thức hạn hẹp của con người.

+ Voi tượng trưng cho sự thật.

+ Đúng, sai là ý kiến rất khác nhau về sự thật.

2. Về mối quan hệ giữa "cho" và "nhận" có thể tìm rất nhiều ví dụ từ trong thiên nhiên, xã hội đến cuộc sống của từng con người.

*Về thiên nhiên :*

– Cây tiếp nhận ánh sáng mặt trời, hút khí cacbonic (*nhận*) và nhả ôxi (*cho*).

– Cây hút chất bổ dưỡng của đất, nước, ánh sáng (*nhận*) và cho quả (*cho*).

*Về xã hội :*

– Cha mẹ nuôi con cái (*cho*), về già con cái chăm sóc cha mẹ (*nhận*).

– Xã hội nuôi dạy thế hệ trẻ (*cho*), thế hệ trẻ góp phần phát triển xã hội (*nhận*).

*Trong cuộc sống của từng con người :*

– Yêu người thì được đáp lại bằng tình yêu. Tình bạn sẽ được đáp lại bằng tình bạn.

– Mẹ nuôi con, con làm cho mẹ hạnh phúc.

– Phải bỏ sức lao động mới thu được thành quả.

– Phải làm mới có ăn. Trả công ít thì không ai chịu làm nhiều.

Tuy nhiên, con người làm việc tốt là vì nhu cầu tinh thần bên trong của mình chứ không phải nhằm báo đáp và trục lợi. Tinh thần trục lợi không bao giờ có được hành vi "cho" một cách vô tư và cao đẹp.

Chỉ "nhận" mà không "cho" thì con người trở thành ích kỉ, tầm thường và sẽ bị đào thải.

"Cho" và "nhận" cần giữ mối tương quan hài hoà.

3. Học sinh có thể phân tích bất cứ bài thơ nào, ví dụ như bài *Tràng giang* (Huy Cận), để phân tích chi tiết của tác phẩm. Tham khảo bài viết sau đây :

*Tràng giang* không chỉ là một bài thơ hay (Huy Cận), mà còn là một trong những bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới 1932 - 1945. Đôi khi người ta thường hiểu *Tràng giang* là bài thơ miêu tả phong cảnh quê hương đất nước, thể hiện tình yêu quê hương đất nước, nhưng đúng hơn, đây là bài thơ thể hiện nỗi cô đơn, bơ vơ của con người ngay giữa quê hương mình.

*Tràng giang* in trong tập *Lửa thiêng* của Huy Cận, xuất bản năm 1940. Đúng như nhà thơ Huy Cận từng nói, bài thơ này được sông Hồng quăng Chèm, Vẽ và những con sông khác gợi tứ, nhưng nó là bài thơ nói về nỗi buồn thế hệ, nỗi buồn không tìm được lối ra, nên như kéo dài triền miên.

Trước hết ta chú ý đầu đề bài thơ là *Tràng giang* chứ không phải *Trường giang*, để ta không lầm với sông Trường Giang (Trung Quốc) hay con sông dài nói chung. Trong tiếng Việt, "tràng giang" thường nằm trong thành ngữ "tràng giang đại hải", chỉ một hiện tượng mênh mông bất tận.

Mở đầu bài thơ đúng là một cảnh sông nước mênh mông bất tận :

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song,  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả ;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

Ngay câu đầu bài thơ không chỉ nói sông, mà nói buồn, nói về một nỗi buồn bất tận, bằng một hình ảnh ẩn dụ : sóng gợn tràng giang trùng trùng *điệp điệp* như nỗi buồn trùng trùng điệp điệp. Con thuyền thường là hình ảnh tượng trưng cho cuộc đời lênh đênh, cô đơn, vô định. Ở đây, con thuyền buông mái chèo xuôi (xuôi mái) theo dòng nước, nhưng thuyền và nước chỉ "song song" với nhau, chứ không gắn bó gì với nhau. Thuyền đi với dòng để rồi chia li với dòng. Câu thứ ba đã nói tới sự chia li : "Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả". "Sầu trăm ngả" là mối sầu không phương hướng. Câu cuối đoạn này càng thể hiện tập trung cho kiếp người nhỏ nhoi, lạc lõng, vô định :

*Củ một cành khô lạc mấy dòng.*

Tác giả lưu ý, không phải là gỗ, thân gỗ, mà chỉ là "củ một cành khô", một mảnh rơi gãy, khô xác của thân cây. "Lạc mấy dòng" là trạng thái không biết trôi về đâu.

Cả khổ thơ đầu đã vẽ lên một không gian sông nước bao la, vô định, rời rạc, hờ hững. Những đường nét *song song, buồn điệp điệp, sâu thăm ngả, lạc mấy dòng* không hứa hẹn gì về hội tụ, gặp gỡ mà chỉ là chia tan, xa rời. Trên con sông đó một con thuyền, một nhánh củi lênh đênh càng tỏ ra nhỏ nhoi, bất lực. Ở đây không chỉ thuyền buồn, cành củi khô buồn, mà cả sóng gợn, sông nước đều buồn.

Khổ thứ hai tiếp tục cái mạch thơ buồn của khổ đầu :

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót ;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Một cái cồn nhỏ, lơ thơ, vắng vẻ, lại thêm ngọn gió đìu hiu, càng thêm vắng vẻ, buồn bã hơn, như bị cuộc sống bỏ quên. Huy Cận nói, ông đã học được chữ "đìu hiu" trong câu thơ *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm) : "Bến Phì gió thổi *đìu hiu* mấy gò" cũng nói về cảnh vắng vẻ, không người. Âm thanh cuộc sống náo động của các phiên chợ, của làng quê nghe rất xa vắng, càng tăng thêm cảm giác bị bỏ quên ở đây. Hai dòng cuối cùng tô đậm thêm cảm giác lạc lõng : nắng xuống, trời lên không chỉ gợi ra khung cảnh nắng chiều, mà bản thân hai hướng lên xuống, như không ăn nhập với nhau, và sông dài, trời rộng càng tăng thêm cái vắng vẻ của bến sông. Cô liêu là vắng vẻ. Trong hai dòng thơ này nhà thơ đã đem đặt bên nhau những yếu tố vốn không có gì là buồn để tạo nên một cảnh buồn. Giữa các yếu tố đó đều có đặt dấu phẩy (,).

Khổ thứ ba vẫn tiếp tục mạch cảm xúc về sự hờ hững, mất hết liên lạc giữa các sự vật :

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng ;  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Vẫn các sự vật đặt bên nhau : bèo hàng nối hàng, bờ xanh tiếp bãi vàng, hai bờ sông mênh mông không cầu, không đò ngang, tạo thành một thế giới không liên hệ. Từ sóng, thuyền, củi, dòng trôi đến cồn nhỏ, làng xa, chợ chiều, rồi nắng xuống, trời lên, sông dài, trời rộng, bến vắng, cả hai bờ cũng không có đò ngang, không cầu, bờ tiếp nối bờ lặng lẽ,... mọi vật thì vẫn có, nhưng không vật nào có ý tìm nhau, đến với nhau, cần đến nhau.

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa.*

*Lòng quê dọn dọn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Lớp lớp mây cao đùn ra thành từng núi mây bạc. Chữ "đùn" mượn từ thơ cổ của Đỗ Phủ, nói rằng mây trôi ra, lừng lững như núi trên trời. Cánh chim nghiêng nghiêng bay về tổ ấm được cảm nhận như chịu sức nặng của bóng chiều đè xuống. Bóng chiều mông lung bỗng trở thành có hình có khối như có thể cảm nhận được bằng đôi cánh nhỏ. Và cánh chim bay đi đâu cho thoát khỏi cái bóng chiều đang đè nặng xuống mình ?

Lòng quê là lòng nhớ quê hương, lấy từ hai chữ "hương tâm", chứ không phải là tấm lòng chất phác, quê mùa. *Dọn* là gợn lên, như ta nói sóng dọn, chỉ một chất lỏng xao động chuyển động dâng lên, uốn xuống. *Dọn dọn* là dọn liên tục, nhiều lần, hô ứng với chữ "sóng gợn", "điệp điệp" ở dòng đầu bài thơ, không phải là dờn dọn, chỉ mức độ xao động thấp. Chính vì vậy mà nhà thơ phiên lòng khi thấy người ta đọc chệch thành "dờn dọn" hay "rờn rợn", làm mất ý nghĩa câu thơ.

Cả câu này có nghĩa là lòng nhớ quê hương dâng mãi lên khi phóng tầm mắt nhìn con nước. Chữ "vời" cũng hay, ta cảm thấy như gặp ý câu *Kiểu* :

*Bốn phương mây trắng một màu,  
Trông vời cố quốc biết đâu là nhà ?*

Lòng nhớ quê được gọi lên từ mây trắng, từ cánh chim chiều, nhưng mạnh hơn là từ con nước. Và nhà thơ kết thúc bài thơ bằng câu : "Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà". Viết câu thơ này chứng tỏ Huy Cận đã biết có câu thơ Thôi Hiệu trong bài *Hoàng Hạc lâu* do Tản Đà dịch : "Quê hương khuất bóng hoàng hôn - Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai". Nhà thơ dựa ý thơ Thôi Hiệu để nói ý mình.

Nhiều người, kể cả nhà thơ, khi đọc đến câu này đều nói rằng Huy Cận buồn hơn Thôi Hiệu, bởi Thôi Hiệu trông "khói sóng" mới nhớ nhà, còn Huy Cận thì ngược lại, "Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà". Thực ra ai buồn hơn ai làm sao mà xác định được. Điều quan trọng là Huy Cận có một ý thơ khác. Xưa Thôi Hiệu buồn vì cõi tiên mờ mịt, quê nhà cách xa, khói sóng trên sông gọi lên cảnh mờ mịt mà sầu. Nay Huy Cận buồn trước không gian hoang vắng, sóng gợn tràng giang khiến ông nhớ tới quê hương như một nguồn ấm áp. Xưa Thôi Hiệu tìm giấc mơ tiên chỉ thấy hư vô, lòng khát khao một cõi quê hương thực tại. Nay Huy Cận một mình đối diện với khung cảnh vô tình, dọn lên nỗi khát khao quê nhà. Một đằng là ý thức về thực tại, một đằng là ý thức về tình người.

*Tràng giang* là một bài thơ buồn, dòng nào cũng buồn. Nhưng *Tràng giang* là một bài thơ vẽ lên một phong cảnh đẹp, giàu màu sắc (núi bạc, bờ xanh, bãi vàng), nhiều đường nét hùng vĩ, mở ra vô tận (buồn điệp điệp, sáu chót vót, sông dài, trời rộng,...), nhiều tương phản, nhiều động từ chỉ sức sống rộn ràng (sóng gợn, mây đùn, thuyền về, nước lại, nắng xuống, trời lên,...). Cái buồn của bài thơ rõ ràng không phải do cảnh vật tàn phai,

không gian chật hẹp tù túng, mọi vật chết chóc ngưng đọng. Cái buồn như toát ra từ cấu tạo của thế giới, từ cái đẹp thiếu tình người, từ một sự mất liên lạc có tính phổ quát gây nên. Một cái buồn đậm màu triết lí. Nỗi buồn này cũng phản ánh sự đổi thay của đời sống xã hội : xã hội cộng đồng truyền thống với vô vàn mối dây liên hệ đã đứt tung để thay vào một xã hội đô thị với vô vàn *cái tôi* rời rạc, bơ vơ".

(Trần Đình Sử, *Độc văn học văn*, NXB Giáo dục, 2002)

4. Học sinh chọn các chi tiết về cách sống, nếp suy nghĩ của nhân vật trong truyện ngắn để khái quát thành "chất Hà Nội". Ở đây có thể phân tích chi tiết bà Hiền dạy con khi ăn cơm, sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát, đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Bà yêu cầu nói năng phải có chuẩn. Đặc biệt bà dạy con biết tự trọng, biết xấu hổ. Bà đau lòng tiễn con ra trận, nhưng tôn trọng ý nguyện của con, để con biết tự trọng. Khi mời bạn bè ăn cơm bà vẫn giữ nếp lịch sự của người Hà Nội. Một đặc điểm khác có thể là đặc điểm rất Hà Nội, đó là vừa thực tế (của người làm ăn) lại vừa khoáng đạt (của người hiểu biết), khiêm tốn, rộng lượng (của nơi có nhiều thông tin, nhiều giao lưu).

Tìm được luận cứ đích đáng, người viết còn biết phân tích để tìm ra ý nghĩa của chúng, phù hợp với chủ đề được bàn đến.

5. Vấn đề bảo vệ môi trường sống là một vấn đề rất rộng lớn, ở phạm vi toàn cầu, nhưng đồng thời cũng là vấn đề rất cụ thể, như vấn đề chất thải công nghiệp gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, môi trường ; cây xanh ở thành phố, giữ gìn bảo vệ các nguồn gen quý báu và đa dạng ; không săn bắt, giết thịt các loài chim và động vật quý hiếm,... Có thể tập trung vào mấy ý chính như : chất thải công nghiệp đang đe dọa ô nhiễm nguồn nước ; bụi bặm và khí thải xe cơ giới gây ô nhiễm không khí đường phố ; giết thịt động vật quý hiếm ; chặt phá các khu rừng. Học sinh tìm các dẫn chứng biết được qua báo chí, dư luận rồi phân tích để thấy việc bảo vệ môi trường sống là một vấn đề bức thiết.